

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG THCS HẬU GIANG

BẢNG PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN NĂM HỌC 2021-2022
HỌC KỲ 1 (Từ 06/9/2021)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	MÔN DẠY	Lớp dạy	Kiểm nhiệm	Định mức tiết dạy (19 - số tiết được giám)	Tổng số tiết dạy thực tế	Số tiết dư
1	Huỳnh Hạnh Diễm Phúc	Hiệu trưởng	BDHSG Toán	9/1;9/4		2	2	0
2	Nguyễn Thị Hiền	Phó hiệu trưởng	GDGD	7/1;7/2;7/3;7/4		4	4	0
3	Trần Phước Thương	Phó hiệu trưởng	BDHSG Tiếng Anh	9/1;9/4		4	4	0
4	Trần Minh Vũ	Giáo viên Tổng phụ trách	Tin Học	6/3;6/4		2	2	0
5	Nguyễn Thị Thanh Hương.A	Giáo viên	Anh	6/4;6/5;9/1;9/6	CN 6/4	19	15	-4
6	Ngô Minh Đạo	Giáo viên	Anh	7/2;7/6;9/3;9/8		19	10	-9
7	Võ Đoàn Anh Nguyễn	Giáo viên	Anh	8/1;9/2;9/7	TTCM	19	10	-9
8	Lê Thị Tuyết Vinh	Giáo viên	Anh	7/3;7/5;7/8;7/9	CN 7/5	19	16.5	-2.5
9	Nguyễn Thị Bích Tuyền	Giáo viên	Anh	6/3;6/6;6/7;7/7	CN 7/7; TTCD	19	17.5	-1.5
10	Nguyễn Tiến Cường	Giáo viên	Anh	8/4;8/6;8/7;9/4;9/5		19	13	-6
11	Nguyễn Thị Bích Đào	Giáo viên	Anh	7/4;8/3;8/5	CN 8/5;PCTCD	19	16.5	-2.5
12	Trần Anh Thư	Giáo viên	Anh	7/1;8/2	CN 8/2	19	10.5	-8.5
13	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Giáo viên	Anh	6/1;6/2	CN 6/1	19	11	-8
14	Lâm Hoàng Yên	Giáo viên	C.Nghệ		CN 9/3;CTCD;TTCM	19	18.5	-0.5
15	Huỳnh Bảo Ngọc	Giáo viên	C.Nghệ		Hướng nghiệp	19	16	-3
16	Võ Thị Xuân Hải	Giáo viên	C.Nghệ		Hướng nghiệp	19	11	-8
17	Đinh Thị Vân Quỳnh	Giáo viên	C.Nghệ-GDDP	K6	CN 6/5	19	19	0
18	Nguyễn Gia Mạnh	Giáo viên	Địa	8/1;8/2;8/3;8/4;8/5;8/6;8/7;9/2;9/4;9/7;9/8	CN 8/7	19	19.5	0.5
19	Nguyễn Thị Hồng Phương	Giáo viên	Địa	7/1;7/2;7/4;7/7;9/1;9/3;9/5;9/6	CN 7/4;TTCM	19	23.5	4.5
20	Đinh Thị Suong	Giáo viên	Địa - LS&DL	6/1;6/2;6/3;7/3;7/5;7/6;7/8;7/9		19	19	0
21	Đào Thị Kim Dung	Giáo viên	Sử - LS&DL	6/4;6/5;6/6;6/7;9/1;9/2;9/3;9/6;9/7;9/8		19	18	-1
22	Tô Hoài Thơ	Giáo viên	Sử	7/1;K8;9/4;9/5	CN 8/3	19	22.5	3.5



STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	MÔN DẠY	Lớp dạy	Kiểm nhiệm	Định mức tiết dạy (19 - số tiết được giảng)	Tổng số tiết dạy thực tế	Số tiết dư
23	Đoàn Thị Hồng Thắm	Giáo viên	Sử	7/2;7/3;7/4;7/5;7/6;7/7;7/8;7/9	Thỉnh giảng		16	16
24	Nguyễn Kim Ly	Giáo viên	GD CD	K6;K9	CN 6/6; TTCM,BCHCD	19	23	4
25	Đỗ Hoài Trâm	Giáo viên	GD CD	7/5;7/6;7/7;7/8;7/9;K8		19	12	-7
26	Nguyễn Thị Thanh Hương.H	Giáo viên	Hóa-KHTN	6/1;6/2;9/1;9/2;9/4;9/8	CN 6/3	19	20.5	1.5
27	Trần Minh Hậu	Giáo viên	Hóa	8/5;8/6;8/7;9/3;9/5	Thỉnh giảng;PTN		13	13
28	Lâm Lê Tâm	Giáo viên	Hóa	8/1;8/2;8/3;8/4;9/6;9/7	Thỉnh giảng		12	12
29	Lâm Trung Quyền	Giáo viên	Lý	8/1;8/4;9/1;9/4;9/5;9/7;9/8	CN 9/4;TTCM	19	19.5	0.5
30	Trần Việt Chương	Giáo viên	Lý	K7;9/2;9/3;9/6	CN 7/8	19	19.5	0.5
31	Lê Minh Hiếu Thuận	Giáo viên	Lý - KHTN	6/6;6/7;8/2;8/3;8/5;8/6;8/7	CN 8/6;PTN	19	20.5	1.5
32	Hồ Anh Trí	Giáo viên	Mỹ thuật	7/1;7/2;7/3;7/8;K8;9/1;9/2;9/7;9/8		19	15	-4
33	Nguyễn Quốc Huy	Giáo viên	Mỹ thuật	K6;7/4;7/5;7/6;7/7;7/9;9/3;9/4;9/5;9/6	CN 7/9	19	20.5	1.5
34	Võ Hồng Ân Huệ	Giáo viên	Nhạc	7/1;7/2;7/3;7/8;K8;9/1;9/2;9/7;9/8		19	11	-8
35	Lương Tài Hiền	Giáo viên	Nhạc	K6;7/4;7/5;7/6;7/7;7/9;9/3;9/4;9/5;9/6		19	12	-7
36	Tăng Siêu Tuấn	Giáo viên	Sinh	8/1;8/4;8/7;9/1;9/2;9/3;9/5;9/7;9/8	CN 9/2;TTCM	19	25.5	6.5
37	Nguyễn Thị Mỹ	Giáo viên	Sinh-KHTN	6/3;6/4;6/5;8/2;8/3;8/5;8/6	CN 6/7	19	25	6
38	Trần Thị Hoa	Giáo viên	Sinh	K7;9/4;9/6	PTN	19	25	6
39	Phạm Huy Khanh	Giáo viên	Tin Học	6/1;6/2;6/5;6/6;6/7;9/3;9/4;9/5;9/6;9/7	TTCM	19	18	-1
40	Lê Minh Tuấn	Giáo viên	Tin Học	7/1;7/7;K8		19	18	-1
41	Bành Phan Tấn Tài	Giáo viên	Tin Học	7/2;7/3;7/4;7/5;7/6;7/8;7/9;9/1;9/2;9/8		19	20	1
42	Bùi Công Thành	Giáo viên	Thế dục	6/1;6/2;6/3;6/4;8/3;8/4;8/5;8/6;8/7	TTCM	19	21	2
43	Hồ Trung Vũ	Giáo viên	Thế dục	6/5;6/6;6/7;K9		19	22	3
44	Tôn Tấn Nhuận	Giáo viên	Thế dục	K7;8/1;8/2		19	22	3
45	Đỗ Thị Mai Trinh	Giáo viên	Toán	6/2;6/3;6/4;7/3	CN 7/3	19	20.5	1.5
46	Bùi Xuân Dũng	Giáo viên	Toán	7/2;7/9;8/2;8/7	TTND	19	18	-1
47	Trần Thị Cẩm Lệ	Giáo viên	Toán	8/3;8/5;9/2;9/6	CN 9/6;TTCD	19	21.5	2.5
48	Vũ Hà Nhất Thảo	Giáo viên	Toán	6/5;9/1;9/8	CN 9/1;TTCM	19	19.5	0.5
49	Đinh Thị Phương	Giáo viên	Toán	7/1;7/5;7/6;7/7	Con nhỏ dưới 12 tháng	16	16	0
50	Đặng Thành Trung	Giáo viên	Toán	7/4;7/8;9/5;9/7		19	16	-3

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	MÔN DẠY	Lớp dạy	Kiểm nhiệm	Định mức tiết dạy (19 - số tiết được giảm)	Tổng số tiết dạy thực tế	Số tiết dư
51	Trần Thị Huệ Chi	Giáo viên	Toán	6/1;6/6;6/7;8/4	CN 8/4	19	20.5	1.5
52	Phạm Thị Thảo	Giáo viên	Toán	8/1;8/6;9/3;9/4	CN 8/1	19	20.5	1.5
53	Nguyễn Đức Hưng	Giáo viên	Văn	8/7;9/2;9/7	CN 9/7	19	18.5	-0.5
54	Phạm Thị Thanh Thủy	Giáo viên	Văn	7/3;9/3;9/4		19	14	-5
55	Nguyễn Thị Kim Phương	Giáo viên	Văn	7/2;7/5;7/7;7/9	CN 7/2	19	20.5	1.5
56	Huỳnh Thị Bích Oanh	Giáo viên	Văn	8/3;9/1;9/5	CN 9/5;TTCM	19	21.5	2.5
57	Nguyễn Thị Lan	Giáo viên	Văn	8/1;8/4;9/6;9/8	CN 9/8;TKHD	19	24.5	5.5
58	Dương Thị Thảo	Giáo viên	Văn	6/1;6/6;7/4;7/6	CN 7/6	19	20.5	1.5
59	Trần Thị Như Thủy	Giáo viên	Văn	6/2;6/4;6/7;8/2	CN 6/2	19	21	2
60	Trương Ngọc Thủy	Giáo viên	Văn	6/3;6/5;7/1;7/8	CN 7/1	19	20.5	1.5
61	Lê Văn Dũng	Giáo viên	Văn	8/5;8/6	Thỉnh giảng		8	8

Quận 8, ngày 08 tháng 9 năm 2021

HÀU GIANG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
HUYỆN HẬU GIANG
Huyện Hậu Diễm Phúc

350
NG
6 T.P. HỒ CHÍ MINH

